

Số: 65 / B.D.H.C - P.2

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 3 năm 2024.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Thủy điện Buôn Đơn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN**

- Mã chứng khoán: BSA
- Địa chỉ: Tầng 7, khách sạn Biệt Điện, số 01 đường Ngô Quyền, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02623 891368 Fax: 02623 891348
- Email: srepok4a@gmail.com Website: <https://thuydienbuondon.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023.
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/03/2024 tại đường dẫn: <https://thuydienbuondon.vn/bsacbtt-bao-cao-tai-chinh-nam-2023l-830-tin-tuc-542-sub.html>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023.
- Văn bản giải trình điều chỉnh hồi tố và chênh lệch lợi nhuận sau kiểm toán.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trương Hải Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Số: 64/BDHC-P2
V/v giải trình điều chỉnh hồi tố và
chênh lệch lợi nhuận
sau kiểm toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đã được kiểm toán, chúng tôi giải trình số liệu Báo cáo tài chính như sau:

1. Giải trình kết quả điều chỉnh hồi tố tại ngày 31/12/2022 trên báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán:

Trong các năm trước, Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá đã thu được tiền là doanh thu với số tiền 45.420.394.701 đồng, làm cho khoản phải thu và lợi nhuận sau thuế của các năm trước tăng 45.420.394.701 đồng. Công ty điều chỉnh sai sót này trong số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu điều chỉnh	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu
				sau điều chỉnh
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	113.300.258.238	(45.420.394.701)	67.879.863.537
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	255.546.642.175	(45.420.394.701)	210.126.247.474

2. Giải trình lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính năm 2023 trước và sau khi kiểm toán có chênh lệch lớn hơn 5%:

Tại báo cáo tài chính trước kiểm toán, Công ty đã điều chỉnh giảm số liệu nêu trên trong năm 2023. Báo cáo tài chính sau kiểm toán không điều chỉnh trong năm mà điều chỉnh hồi tố giảm chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các kỳ trước.

Sau khi điều chỉnh và tính lại thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán tăng 45,11 tỷ đồng so với trước kiểm toán.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P2.



GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG HẢI QUANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ mười một ngày 29 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A mã số 40121000095, chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2010 và chứng nhận thay đổi đến lần thứ hai ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.971.851.000.000 VND, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : 0262 3891 368
- Fax : 0262 3891 348

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

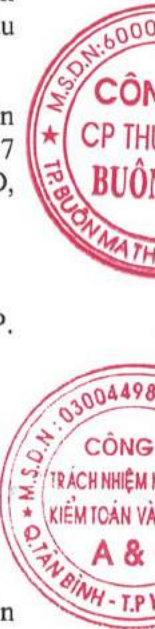
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2021

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Hải Quang	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2019
Ông Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2010



Số: 1.0750/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như một phần của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả tại thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính được áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 xét trên phương diện tổng thể;

- Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của gốc vay chưa thanh toán có thể thu hồi trong tương lai (tương ứng với khoản thu nhập) nếu Công ty thực hiện đúng quy định về trả nợ gốc vay là 45.995.940.000 VND (xem thuyết minh số V.5a).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nguyễn Tiên Lộc

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4304-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		351.572.625.136	345.285.295.381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.893.719.431	60.729.053.970
1. Tiền	111		1.893.719.431	729.053.970
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		318.795.337.718	255.058.850.785
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	240.011.349.202	187.079.987.248
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	399.800.000	99.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	78.434.188.516	67.879.863.537
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(50.000.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		10.309.975.518	8.989.820.802
1. Hàng tồn kho	141	V.7	10.309.975.518	8.989.820.802
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		573.592.469	507.569.824
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	573.592.469	469.450.504
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	38.119.320
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.004.908.801.970	1.133.711.398.477
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		54.700.000	54.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	54.700.000	54.700.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		923.569.414.035	1.051.195.769.405
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	920.017.809.462	1.047.602.422.736
- Nguyên giá	222		1.839.141.229.557	1.838.108.233.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(919.123.420.095)	(790.505.811.259)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.551.604.573	3.593.346.669
- Nguyên giá	228		3.773.470.000	3.773.470.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(221.865.427)	(180.123.331)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.963.612.188	2.584.706.545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.963.612.188	2.584.706.545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		78.321.075.747	79.876.222.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	78.321.075.747	79.876.222.527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.356.481.427.106	1.478.996.693.858

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		451.555.425.557	602.637.448.264
I. Nợ ngắn hạn	310		201.168.294.293	196.189.157.000
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.367.587.694	1.226.984.568
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.108.019.711	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.259.008.016	17.244.304.772
4. Phải trả người lao động	314	V.15	4.390.188.458	5.000.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	14.953.129.945	14.794.925.117
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.659.121.961	3.562.338.600
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	159.675.440.000	150.024.120.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.755.798.508	4.336.483.943
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		250.387.131.264	406.448.291.264
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	250.387.131.264	406.448.291.264
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		904.926.001.549	876.359.245.594
I. Vốn chủ sở hữu	410		904.926.001.549	876.359.245.594
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	668.509.750.000	655.403.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		668.509.750.000	655.403.460.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	10.824.284.000	10.824.284.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	-	5.254.120
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	225.591.967.549	210.126.247.474
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		128.596.243.248	210.126.247.474
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		96.995.724.301	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.356.481.427.106	1.478.996.693.858

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Phạm Thị Thu Thảo
Người lậpPhạm Văn Tùng
Kế toán trưởng
Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	344.150.881.725	397.881.872.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		344.150.881.725	397.881.872.013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	191.300.726.979	193.009.431.087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152.850.154.746	204.872.440.926
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.120.050.059	2.887.497.794
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	38.501.313.887	28.795.216.482
Trong đó: chi phí lãi vay	23		38.501.117.920	28.794.957.953
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.518.342.855	17.124.493.187
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101.950.548.063	161.840.229.051
11. Thu nhập khác	31	VI.6	17.727.750	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		17.727.750	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		101.968.275.813	161.840.229.051
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	4.972.551.512	8.176.379.438
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.995.724.301	153.663.849.613
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7a,b	1.420	2.255
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7a,b	1.420	2.255

Phạm Thị Thu Thảo
Người lậpPhạm Văn Tùng
Kế toán trưởng

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		101.968.275.813	161.840.229.051
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	128.659.350.932	128.469.641.023
- Các khoản dự phòng	03	V.6	50.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	72.644	232.519
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(3.119.320.999)	(2.878.271.220)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	38.501.117.920	28.794.957.953
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		266.059.496.310	316.226.789.326
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(54.229.806.792)	(81.679.615.935)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(1.320.154.716)	(1.124.279.590)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.051.507.774	(5.134.252.904)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	1.451.004.815	1.999.034.732
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(38.356.848.644)	(23.830.232.526)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(11.195.209.389)	(1.270.629.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(3.475.643.179)	(2.040.870.598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		160.984.346.179	203.145.943.269
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.711.901.205)	(2.529.395.162)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	20.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	3.230.040.178	2.812.923.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.518.138.973	(19.716.471.886)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(155.739.120.000)	(152.373.513.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17,20	(65.598.627.047)	(50.411.697.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(221.337.747.047)	(202.785.210.116)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(38.835.261.895)	(19.355.738.733)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	60.729.053.970	80.085.025.222
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	(72.644)	(232.519)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	21.893.719.431	60.729.053.970

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Phạm Thị Thu Thảo
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu giảm so với năm trước do sản lượng điện thương phẩm giảm, ngoài ra trong năm Công ty còn ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh liên quan đến khoản vay hơn 45,4 tỷ đồng làm cho lợi nhuận trước thuế năm nay giảm tương ứng so với năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 60 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 59 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản chênh lệch tỷ giá thanh toán phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục phải trả ngoại tệ cho Ngân hàng Sumitomo Mitsui của các năm trước đang ghi nhận khoản phải thu khác do Công ty xác định sẽ thu lại được của Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công thương và Hợp đồng mua bán điện.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại (không quá 50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tín chỉ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	138.346.646	103.096.319
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.755.372.785	625.957.651
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	20.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	<u>21.893.719.431</u>	<u>60.729.053.970</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số đầu năm là khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Đắk Lắk với lãi suất 9,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔNĐịa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	239.961.349.202	187.029.987.248
Các khách hàng khác	50.000.000	50.000.000
Cộng	<u>240.011.349.202</u>	<u>187.079.987.248</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Nông lâm nghiệp và Dịch vụ Phương Bắc	300.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Kiến Phát	99.000.000	99.000.000
Các nhà cung cấp khác	800.000	-
Cộng	<u>399.800.000</u>	<u>99.000.000</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay ngoại tệ ⁽ⁱ⁾	78.008.138.292	-	67.613.423.292	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	35.636.986	-	146.356.165	-
Tạm ứng	9.000.000	-	9.000.000	-
Các khoản phải thu khác	381.413.238	-	111.084.080	-
Cộng	<u>78.434.188.516</u>	-	<u>67.879.863.537</u>	-

- ⁽ⁱ⁾ Theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công Thương về phương pháp tính giá điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện cũng như theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán điện số 05/2014/HĐ-NMĐ-Srêpôk4A ngày 29 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty sẽ được Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán phần chênh lệch tỷ giá của các khoản vay ngoại tệ để đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A. Công ty đã được Công ty Mua bán điện thanh toán phần chênh lệch tỷ giá từ thời điểm phát sinh hợp đồng vay ngoại tệ đến hết năm 2018 và 31,7% của năm 2019.

Tình hình thanh toán gốc vay và ghi nhận khoản phải thu tương ứng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Gốc vay đã trả cho ngân hàng		
Khoản đã trả bằng ngoại tệ (USD) ⁽ⁱⁱ⁾	30.258.354	26.271.000
Khoản phải thu chênh lệch tỷ giá tương ứng (VND) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	78.008.138.292	67.613.423.292
Gốc vay chưa trả cho ngân hàng		
Khoản phải trả bằng ngoại tệ (USD) ⁽ⁱⁱ⁾	14.577.000	20.415.000

- ⁽ⁱⁱ⁾ Số cuối năm được tính từ 68,3% còn lại của năm 2019 đến đợt 1 năm 2024. Chênh lệch tỷ giá được tính bằng tỷ giá thực tế mua ngoại tệ để thanh toán gốc vay trừ (-) cho tỷ giá cơ sở được quy định là 20.720 VND/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của gốc vay chưa thanh toán có thể thu hồi trong tương lai (tương ứng với khoản thu nhập) nếu Công ty thực hiện đúng quy định về trả nợ gốc vay là 45.995.940.000 VND.

(iii) Khoản phải thu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố (xem thuyết minh số VII.3).

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Dương – Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 đến 3 năm	50.000.000	Từ 2 đến 3 năm	50.000.000
Cộng		50.000.000		50.000.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	50.000.000	-
Số cuối năm	50.000.000	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.924.209.629	-	2.616.035.053	-
Công cụ, dụng cụ	6.385.765.889	-	6.373.785.749	-
Cộng	10.309.975.518	-	8.989.820.802	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	286.332.429	301.977.960
Chi phí sửa chữa	93.600.853	17.319.416
Chi phí thuê văn phòng	79.090.913	76.363.632
Công cụ, dụng cụ	54.918.274	16.659.496
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	59.650.000	57.130.000
Cộng	573.592.469	469.450.504

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	77.978.224.860	79.613.685.921
Công cụ, dụng cụ	211.475.511	260.608.806
Chi phí sửa chữa, duy tu	103.926.129	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	27.449.247	1.927.800
Cộng	78.321.075.747	79.876.222.527

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.294.420.374.168	538.015.096.427	5.058.586.955	614.176.445	1.838.108.233.995
Mua trong năm	-	112.997.673	-	-	112.997.673
Lắp đặt hoàn thành	-	919.997.889	-	-	919.997.889
Số cuối năm	1.294.420.374.168	539.048.091.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.141.229.557
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	10.153.214.468	1.667.711.501	551.259.172	12.372.185.141
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	462.827.610.364	324.531.198.019	2.571.281.204	575.721.672	790.505.811.259
Khấu hao trong năm	75.723.652.956	52.496.542.124	376.441.332	20.972.424	128.617.608.836
Số cuối năm	538.551.263.320	377.027.740.143	2.947.722.536	596.694.096	919.123.420.095
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	831.592.763.804	213.483.898.408	2.487.305.751	38.454.773	1.047.602.422.736
Số cuối năm	755.869.110.848	162.020.351.846	2.110.864.419	17.482.349	920.017.809.462
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
Số cuối năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	135.678.891	44.444.440	180.123.331
Khấu hao trong năm	15.075.432	26.666.664	41.742.096
Số cuối năm	150.754.323	71.111.104	221.865.427
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.557.791.109	35.555.560	3.593.346.669
Số cuối năm	3.542.715.677	8.888.896	3.551.604.573
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	2.584.706.545	1.298.903.532	(919.997.889)	2.963.612.188
- Công trình Thủy điện Srêpok 4A_ Chi phí dự án năng lượng mặt trời	2.311.469.508	-	-	2.311.469.508
- Công trình xây dựng trụ sở làm việc	273.237.037	249.231.482	-	522.468.519
- Công trình khác	-	1.049.672.050	(919.997.889)	129.674.161
Cộng	2.584.706.545	1.298.903.532	(919.997.889)	2.963.612.188

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng 4	1.110.840.804	1.110.840.804
Công ty Cổ phần Sotaville	1.062.077.600	-
Các nhà cung cấp khác	194.669.290	116.143.764
Cộng	2.367.587.694	1.226.984.568

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản ứng tiền mua tín chỉ carbon của Công ty Cổ phần Net Zero Carbon.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.863.797.470	-	28.810.149.990	(29.130.918.747)	2.543.028.713	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.176.379.438	-	4.972.551.512	(11.195.209.389)	1.953.721.561	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.119.320	1.446.345.422	(1.177.285.333)	230.940.769	-
Thuế tài nguyên	2.608.402.180	-	27.003.624.617	(27.387.656.612)	2.224.370.185	-
Thuế nhà thầu	-	-	1.465.041.850	(1.465.041.850)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên	-	-	2.808.801.000	(2.808.801.000)	-	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.595.725.684	-	10.113.063.804	(10.401.842.700)	3.306.946.788	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	119.353.323	(119.353.323)	-	-
Cộng	17.244.304.772	38.119.320	76.741.931.518	(83.689.108.954)	10.259.008.016	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%. Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023, thuế suất giá trị gia tăng giảm xuống còn 8% theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 8511552116 ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê duyệt dự án Thủy điện Srepok 4A, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Năm 2023 là năm thứ chín Công ty hưởng ưu đãi về thuế suất và năm thứ 6 được giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Srepok 4A.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101.968.275.813	161.840.229.051
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.702.213.163	1.687.359.715
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.739.980.967)	-
Thu nhập tính thuế	98.930.508.009	163.527.588.766
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	19.786.101.602	32.705.517.753
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(9.891.278.025)	(16.352.758.877)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(4.945.639.013)	(8.176.379.438)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	23.366.948	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.972.551.512	8.176.379.438

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với thuế suất 5% và giá tính thuế như sau:

<u>Thời gian</u>	<u>Giá bán điện thương phẩm bình quân (VND/kWh)</u>
Từ ngày 01/01/2023 đến 03/05/2023	1.864,44
Từ ngày 04/05/2023 đến 08/11/2023	1.920,3732
Từ ngày 09/11/2023 đến 31/12/2023	2.006,79

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty được miễn tiền thuê đất trong cả thời gian thuê (từ năm 2010 đến năm 2060) của dự án theo Giấy Chứng nhận Đăng ký đầu tư số 8511552116 được cấp ngày 04 tháng 01 năm 2017 bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kWh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Số cuối năm là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	10.225.325.065	9.968.039.790
Phí bảo lãnh vay vốn	314.420.327	427.436.326
Các chi phí thuộc các hạng mục khác - Công trình		
Nhà máy thủy điện	4.333.095.546	4.333.095.546
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	80.289.007	66.353.455
Cộng	<u>14.953.129.945</u>	<u>14.794.925.117</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	65.113.258	129.729.703
Công ty TNHH TM và XNK Hoàng Gia Phát	235.000.000	235.000.000
Thuế GTGT phải nộp chưa kê khai	2.334.625.209	2.961.427.199
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	24.383.494	236.181.698
Cộng	<u>2.659.121.961</u>	<u>3.562.338.600</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	159.675.440.000	150.024.120.000
- Ngân hàng Sumitomo Mitsui	142.330.440.000	138.594.120.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk	17.345.000.000	11.430.000.000
Cộng	<u>159.675.440.000</u>	<u>150.024.120.000</u>

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	150.024.120.000
Số tiền vay đã trả	(155.739.120.000)
Kết chuyển từ vay dài hạn	165.390.440.000
Số cuối năm	<u>159.675.440.000</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Sumitomo Mitsui ⁽ⁱ⁾	213.056.820.000	346.057.980.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk ⁽ⁱⁱ⁾	37.330.311.264	60.390.311.264
Cộng	<u>250.387.131.264</u>	<u>406.448.291.264</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Sumitomo Mitsui để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với lãi suất theo lãi suất cho vay liên ngân hàng London (LIBOR) cộng lợi nhuận biên, thời hạn vay 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 3 năm. Số tiền vay được hoàn trả định kỳ 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 8 năm 2015.

Bộ Tài chính cam kết bảo lãnh khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui đối với toàn bộ số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc 64,200,000.00 USD theo Thư bảo lãnh do Bộ Tài chính phát hành ngày 15 tháng 5 năm 2012.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với lãi suất theo từng khung ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay, thời hạn vay tối đa 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Khoản vay này được được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc, thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với tổng giá trị tài sản cố định thế chấp là 220.018.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 24459/19MN/HĐBĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 và số 23509/19MN/HĐBĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	159.675.440.000	150.024.120.000
Trên 1 năm đến 5 năm	250.387.131.264	406.448.291.264
Cộng	<u>410.062.571.264</u>	<u>556.472.411.264</u>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	406.448.291.264
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	9.329.280.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(165.390.440.000)
Số cuối năm	<u>250.387.131.264</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN.Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.336.483.943	2.304.957.744	(2.885.643.179)	3.755.798.508
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	590.000.000	(590.000.000)	-
Cộng	4.336.483.943	2.894.957.744	(3.475.643.179)	3.755.798.508

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	630.197.230.000	10.824.284.000	5.254.120	134.121.195.575	775.147.963.695
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(2.040.870.598)	(2.040.870.598)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2021	25.206.230.000	-	-	(50.411.697.116)	(50.411.697.116)
Trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(25.206.230.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	153.663.849.613	153.663.849.613
Số dư cuối năm trước	655.403.460.000	10.824.284.000	5.254.120	210.126.247.474	876.359.245.594
Số dư đầu năm nay	655.403.460.000	10.824.284.000	5.254.120	210.126.247.474	876.359.245.594
Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2022	13.106.290.000	-	-	(13.106.290.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(65.534.010.602)	(65.534.010.602)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(2.894.957.744)	(2.894.957.744)
Hoàn nhập quỹ khác vào lợi nhuận chưa phân phối	-	-	(5.254.120)	5.254.120	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	96.995.724.301	96.995.724.301
Số dư cuối năm nay	668.509.750.000	10.824.284.000	-	225.591.967.549	904.926.001.549

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2% (cổ đông hiện hữu sở hữu 65.540.346 cổ phiếu được nhận 1.310.629 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 14/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29/NQ-BDHC-HĐQT ngày 27 tháng 9 năm 2023.

Công ty đã thực hiện xong thủ tục phát hành cổ phiếu trả cổ tức, nâng vốn điều lệ từ 655.403.460.000 VND lên thành 668.509.750.000 VND. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29 tháng 9 năm 2023 do tăng vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	207.241.820.000	203.178.260.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2	167.130.500.000	163.853.440.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	100.278.300.000	98.312.060.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	33.426.090.000	32.770.680.000
Ông Nguyễn Văn Luận	60.258.990.000	56.900.640.000
Các cổ đông khác	100.174.050.000	100.388.380.000
Cộng	<u>668.509.750.000</u>	<u>655.403.460.000</u>

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.850.975	65.540.346
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.850.975	65.540.346
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.850.975	65.540.346

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 14/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 25 tháng 4 năm 2023 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích trong năm nay</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.304.957.744	-	2.304.957.744
• Trích quỹ khen thưởng người quản lý	590.000.000	-	590.000.000
• Chia cổ tức cho cổ đông bằng phát hành cổ phiếu	13.108.060.000	-	13.108.060.000
• Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền	65.540.346.000	-	65.540.346.000
• Điều chuyển từ Quỹ khác của chủ sở hữu vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.254.120)	-	(5.254.120)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền ngoại tệ chỉ có 827,2 USD (số đầu năm là 827,2 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	341.393.566.139	397.881.872.013
Doanh thu bán tín chỉ carbon	2.757.315.586	-
Cộng	<u>344.150.881.725</u>	<u>397.881.872.013</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn điện thương phẩm	191.300.726.979	193.009.431.087
Cộng	<u>191.300.726.979</u>	<u>193.009.431.087</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.119.320.999	2.878.271.220
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	729.060	9.226.574
Cộng	<u>3.120.050.059</u>	<u>2.887.497.794</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	37.100.971.117	27.092.020.927
Phí đại lý và phí bảo lãnh khoản vay	1.400.146.803	1.702.937.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	123.323	26.010
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	72.644	232.519
Cộng	<u>38.501.313.887</u>	<u>28.795.216.482</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.637.642.788	8.465.892.247
Chi phí vật liệu quản lý	186.208.552	238.422.275
Chi phí đồ dùng văn phòng	248.752.717	335.885.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.028.292	273.132.526
Thuế, phí và lệ phí	107.340.000	10.179.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.222.328.158	2.918.063.025
Các chi phí khác	4.908.042.348	4.882.918.237
Cộng	<u>15.518.342.855</u>	<u>17.124.493.187</u>

6. Thu nhập khác

Khoản hoàn trả tiền bảo hiểm của Công ty bảo hiểm do không phát sinh sự cố trong năm.

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	96.995.724.301	153.663.849.613
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.454.935.865)	(2.304.957.744)
Trích thưởng quỹ thưởng Ban điều hành	(590.000.000)	(590.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	94.950.788.436	150.768.891.869
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	66.850.975	66.850.975
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.420</u>	<u>2.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7b. Thông tin khác

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.405 VND xuống còn 2.255 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.362.833.376	8.085.151.022
Chi phí nhân công	16.123.183.495	17.502.893.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.659.350.932	128.469.641.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.493.035.573	49.024.355.386
Chi phí khác	7.180.666.458	7.051.882.881
Cộng	<u>206.819.069.834</u>	<u>210.133.924.274</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	399.000.000	99.000.000
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	2.367.392.322	1.226.840.804

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	476.331.902	-	476.331.902
Các thành viên quản lý khác	938.394.794	-	938.394.794
Cộng	1.414.726.696	708.000.000	2.122.726.696
Năm trước			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	536.834.226	-	536.834.226
Các thành viên quản lý khác	1.008.212.525	-	1.008.212.525
Cộng	1.545.046.751	708.000.000	2.253.046.751

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	Cổ đông sở hữu 31% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2	Cổ đông sở hữu 25% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông sở hữu 15% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	Cổ đông sở hữu 5% vốn điều lệ, có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4		
Chia cổ tức bằng tiền	20.317.507.260	15.627.626.106
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.062.949.900	7.813.931.300
Chi phí khảo sát thiết kế	760.290.111	120.370.370
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2		
Chia cổ tức bằng tiền	16.385.086.500	12.602.924.279
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	3.276.572.500	6.301.557.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chia cổ tức bằng tiền	9.831.051.900	7.561.754.567
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	1.965.943.500	3.780.934.500

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2

Chia cổ tức bằng tiền	3.277.017.300	2.520.584.856
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	655.314.500	1.260.311.500

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Các sai sót

Trong các năm trước, Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá đã thu được tiền là doanh thu với số tiền 45.420.394.701 VND, làm cho khoản phải thu và lợi nhuận sau thuế của các năm trước tăng 45.420.394.701 VND. Công ty đã điều chỉnh sai sót này trong số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	113.300.258.238	(45.420.394.701)	67.879.863.537
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	255.546.642.175	(45.420.394.701)	210.126.247.474

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Phạm Thị Thu Thảo
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Đắk Lắk, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Trương Hải Quang
Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ mười một ngày 29 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A mã số 40121000095, chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2010 và chứng nhận thay đổi đến lần thứ hai ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.971.851.000.000 VND, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : 0262 3891 368
- Fax : 0262 3891 348

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2019
Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2021

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Hải Quang	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2019
Ông Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2010



Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Hải Quang – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trương Hải Quang
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



Số: 1.0750/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐÔN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đôn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đôn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như một phần của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả tại thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính được áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 xét trên phương diện tổng thể;

- Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của gốc vay chưa thanh toán có thể thu hồi trong tương lai (tương ứng với khoản thu nhập) nếu Công ty thực hiện đúng quy định về trả nợ gốc vay là 45.995.940.000 VND (xem thuyết minh số V.5a).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nguyễn Tiên Lộc

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4304-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		351.572.625.136	345.285.295.381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.893.719.431	60.729.053.970
1. Tiền	111		1.893.719.431	729.053.970
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		318.795.337.718	255.058.850.785
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	240.011.349.202	187.079.987.248
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	399.800.000	99.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	78.434.188.516	67.879.863.537
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(50.000.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		10.309.975.518	8.989.820.802
1. Hàng tồn kho	141	V.7	10.309.975.518	8.989.820.802
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		573.592.469	507.569.824
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	573.592.469	469.450.504
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	38.119.320
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.004.908.801.970	1.133.711.398.477
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		54.700.000	54.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	54.700.000	54.700.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		923.569.414.035	1.051.195.769.405
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	920.017.809.462	1.047.602.422.736
- Nguyên giá	222		1.839.141.229.557	1.838.108.233.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(919.123.420.095)	(790.505.811.259)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.551.604.573	3.593.346.669
- Nguyên giá	228		3.773.470.000	3.773.470.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(221.865.427)	(180.123.331)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.963.612.188	2.584.706.545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.963.612.188	2.584.706.545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		78.321.075.747	79.876.222.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	78.321.075.747	79.876.222.527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.356.481.427.106	1.478.996.693.858

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		451.555.425.557	602.637.448.264
I. Nợ ngắn hạn	310		201.168.294.293	196.189.157.000
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.367.587.694	1.226.984.568
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.108.019.711	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.259.008.016	17.244.304.772
4. Phải trả người lao động	314	V.15	4.390.188.458	5.000.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	14.953.129.945	14.794.925.117
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.659.121.961	3.562.338.600
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	159.675.440.000	150.024.120.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.755.798.508	4.336.483.943
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		250.387.131.264	406.448.291.264
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	250.387.131.264	406.448.291.264
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		904.926.001.549	876.359.245.594
I. Vốn chủ sở hữu	410		904.926.001.549	876.359.245.594
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	668.509.750.000	655.403.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		668.509.750.000	655.403.460.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	10.824.284.000	10.824.284.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	-	5.254.120
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	225.591.967.549	210.126.247.474
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		128.596.243.248	210.126.247.474
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		96.995.724.301	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.356.481.427.106	1.478.996.693.858

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Phạm Thị Thu Thảo
Người lậpPhạm Văn Tùng
Kế toán trưởng
Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	344.150.881.725	397.881.872.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		344.150.881.725	397.881.872.013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	191.300.726.979	193.009.431.087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152.850.154.746	204.872.440.926
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.120.050.059	2.887.497.794
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	38.501.313.887	28.795.216.482
Trong đó: chi phí lãi vay	23		38.501.117.920	28.794.957.953
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.518.342.855	17.124.493.187
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101.950.548.063	161.840.229.051
11. Thu nhập khác	31	VI.6	17.727.750	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		17.727.750	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		101.968.275.813	161.840.229.051
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	4.972.551.512	8.176.379.438
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.995.724.301	153.663.849.613
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7a,b	1.420	2.255
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7a,b	1.420	2.255

Phạm Thị Thu Thảo
Người lậpPhạm Văn Tùng
Kế toán trưởng

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		101.968.275.813	161.840.229.051
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	128.659.350.932	128.469.641.023
- Các khoản dự phòng	03	V.6	50.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	72.644	232.519
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(3.119.320.999)	(2.878.271.220)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	38.501.117.920	28.794.957.953
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		266.059.496.310	316.226.789.326
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(54.229.806.792)	(81.679.615.935)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(1.320.154.716)	(1.124.279.590)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.051.507.774	(5.134.252.904)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	1.451.004.815	1.999.034.732
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(38.356.848.644)	(23.830.232.526)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(11.195.209.389)	(1.270.629.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(3.475.643.179)	(2.040.870.598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		160.984.346.179	203.145.943.269
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.711.901.205)	(2.529.395.162)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	20.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	3.230.040.178	2.812.923.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.518.138.973	(19.716.471.886)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(155.739.120.000)	(152.373.513.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17,20	(65.598.627.047)	(50.411.697.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(221.337.747.047)	(202.785.210.116)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(38.835.261.895)	(19.355.738.733)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	60.729.053.970	80.085.025.222
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	(72.644)	(232.519)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	21.893.719.431	60.729.053.970

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Phạm Thị Thu Thảo
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu giảm so với năm trước do sản lượng điện thương phẩm giảm, ngoài ra trong năm Công ty còn ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh liên quan đến khoản vay hơn 45,4 tỷ đồng làm cho lợi nhuận trước thuế năm nay giảm tương ứng so với năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 60 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 59 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản chênh lệch tỷ giá thanh toán phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục phải trả ngoại tệ cho Ngân hàng Sumitomo Mitsui của các năm trước đang ghi nhận khoản phải thu khác do Công ty xác định sẽ thu lại được của Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công thương và Hợp đồng mua bán điện.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại (không quá 50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tín chỉ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	138.346.646	103.096.319
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.755.372.785	625.957.651
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	20.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	<u>21.893.719.431</u>	<u>60.729.053.970</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số đầu năm là khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Đắk Lắk với lãi suất 9,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔNĐịa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	239.961.349.202	187.029.987.248
Các khách hàng khác	50.000.000	50.000.000
Cộng	<u>240.011.349.202</u>	<u>187.079.987.248</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Nông lâm nghiệp và Dịch vụ Phương Bắc	300.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Kiến Phát	99.000.000	99.000.000
Các nhà cung cấp khác	800.000	-
Cộng	<u>399.800.000</u>	<u>99.000.000</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay ngoại tệ ⁽ⁱ⁾	78.008.138.292	-	67.613.423.292	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	35.636.986	-	146.356.165	-
Tạm ứng	9.000.000	-	9.000.000	-
Các khoản phải thu khác	381.413.238	-	111.084.080	-
Cộng	<u>78.434.188.516</u>	-	<u>67.879.863.537</u>	-

- ⁽ⁱ⁾ Theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công Thương về phương pháp tính giá điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện cũng như theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán điện số 05/2014/HĐ-NMĐ-Srêpôk4A ngày 29 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty sẽ được Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán phần chênh lệch tỷ giá của các khoản vay ngoại tệ để đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A. Công ty đã được Công ty Mua bán điện thanh toán phần chênh lệch tỷ giá từ thời điểm phát sinh hợp đồng vay ngoại tệ đến hết năm 2018 và 31,7% của năm 2019.

Tình hình thanh toán gốc vay và ghi nhận khoản phải thu tương ứng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Gốc vay đã trả cho ngân hàng		
Khoản đã trả bằng ngoại tệ (USD) ⁽ⁱⁱ⁾	30.258.354	26.271.000
Khoản phải thu chênh lệch tỷ giá tương ứng (VND) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	78.008.138.292	67.613.423.292
Gốc vay chưa trả cho ngân hàng		
Khoản phải trả bằng ngoại tệ (USD) ⁽ⁱⁱ⁾	14.577.000	20.415.000

- ⁽ⁱⁱ⁾ Số cuối năm được tính từ 68,3% còn lại của năm 2019 đến đợt 1 năm 2024. Chênh lệch tỷ giá được tính bằng tỷ giá thực tế mua ngoại tệ để thanh toán gốc vay trừ (-) cho tỷ giá cơ sở được quy định là 20.720 VND/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của gốc vay chưa thanh toán có thể thu hồi trong tương lai (tương ứng với khoản thu nhập) nếu Công ty thực hiện đúng quy định về trả nợ gốc vay là 45.995.940.000 VND.

(iii) Khoản phải thu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố (xem thuyết minh số VII.3).

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Dương – Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 đến 3 năm	50.000.000	Từ 2 đến 3 năm	50.000.000
Cộng		50.000.000		50.000.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	50.000.000	-
Số cuối năm	50.000.000	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.924.209.629	-	2.616.035.053	-
Công cụ, dụng cụ	6.385.765.889	-	6.373.785.749	-
Cộng	10.309.975.518	-	8.989.820.802	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	286.332.429	301.977.960
Chi phí sửa chữa	93.600.853	17.319.416
Chi phí thuê văn phòng	79.090.913	76.363.632
Công cụ, dụng cụ	54.918.274	16.659.496
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	59.650.000	57.130.000
Cộng	573.592.469	469.450.504

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	77.978.224.860	79.613.685.921
Công cụ, dụng cụ	211.475.511	260.608.806
Chi phí sửa chữa, duy tu	103.926.129	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	27.449.247	1.927.800
Cộng	78.321.075.747	79.876.222.527

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.294.420.374.168	538.015.096.427	5.058.586.955	614.176.445	1.838.108.233.995
Mua trong năm	-	112.997.673	-	-	112.997.673
Lắp đặt hoàn thành	-	919.997.889	-	-	919.997.889
Số cuối năm	1.294.420.374.168	539.048.091.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.141.229.557
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	10.153.214.468	1.667.711.501	551.259.172	12.372.185.141
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	462.827.610.364	324.531.198.019	2.571.281.204	575.721.672	790.505.811.259
Khấu hao trong năm	75.723.652.956	52.496.542.124	376.441.332	20.972.424	128.617.608.836
Số cuối năm	538.551.263.320	377.027.740.143	2.947.722.536	596.694.096	919.123.420.095
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	831.592.763.804	213.483.898.408	2.487.305.751	38.454.773	1.047.602.422.736
Số cuối năm	755.869.110.848	162.020.351.846	2.110.864.419	17.482.349	920.017.809.462
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
Số cuối năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	135.678.891	44.444.440	180.123.331
Khấu hao trong năm	15.075.432	26.666.664	41.742.096
Số cuối năm	150.754.323	71.111.104	221.865.427
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.557.791.109	35.555.560	3.593.346.669
Số cuối năm	3.542.715.677	8.888.896	3.551.604.573
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	2.584.706.545	1.298.903.532	(919.997.889)	2.963.612.188
- Công trình Thủy điện Srêpok 4A_ Chi phí dự án năng lượng mặt trời	2.311.469.508	-	-	2.311.469.508
- Công trình xây dựng trụ sở làm việc	273.237.037	249.231.482	-	522.468.519
- Công trình khác	-	1.049.672.050	(919.997.889)	129.674.161
Cộng	2.584.706.545	1.298.903.532	(919.997.889)	2.963.612.188

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng 4	1.110.840.804	1.110.840.804
Công ty Cổ phần Sotaville	1.062.077.600	-
Các nhà cung cấp khác	194.669.290	116.143.764
Cộng	2.367.587.694	1.226.984.568

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản ứng tiền mua tín chỉ carbon của Công ty Cổ phần Net Zero Carbon.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.863.797.470	-	28.810.149.990	(29.130.918.747)	2.543.028.713	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.176.379.438	-	4.972.551.512	(11.195.209.389)	1.953.721.561	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.119.320	1.446.345.422	(1.177.285.333)	230.940.769	-
Thuế tài nguyên	2.608.402.180	-	27.003.624.617	(27.387.656.612)	2.224.370.185	-
Thuế nhà thầu	-	-	1.465.041.850	(1.465.041.850)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên	-	-	2.808.801.000	(2.808.801.000)	-	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.595.725.684	-	10.113.063.804	(10.401.842.700)	3.306.946.788	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	119.353.323	(119.353.323)	-	-
Cộng	17.244.304.772	38.119.320	76.741.931.518	(83.689.108.954)	10.259.008.016	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%. Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023, thuế suất giá trị gia tăng giảm xuống còn 8% theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 8511552116 ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê duyệt dự án Thủy điện Srepok 4A, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Năm 2023 là năm thứ chín Công ty hưởng ưu đãi về thuế suất và năm thứ 6 được giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Srepok 4A.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101.968.275.813	161.840.229.051
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.702.213.163	1.687.359.715
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(4.739.980.967)</u>	<u>-</u>
Thu nhập tính thuế	98.930.508.009	163.527.588.766
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	19.786.101.602	32.705.517.753
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(9.891.278.025)	(16.352.758.877)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(4.945.639.013)	(8.176.379.438)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	23.366.948	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>4.972.551.512</u>	<u>8.176.379.438</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với thuế suất 5% và giá tính thuế như sau:

<u>Thời gian</u>	<u>Giá bán điện thương phẩm bình quân (VND/kWh)</u>
Từ ngày 01/01/2023 đến 03/05/2023	1.864,44
Từ ngày 04/05/2023 đến 08/11/2023	1.920,3732
Từ ngày 09/11/2023 đến 31/12/2023	2.006,79

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty được miễn tiền thuê đất trong cả thời gian thuê (từ năm 2010 đến năm 2060) của dự án theo Giấy Chứng nhận Đăng ký đầu tư số 8511552116 được cấp ngày 04 tháng 01 năm 2017 bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kWh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Số cuối năm là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	10.225.325.065	9.968.039.790
Phí bảo lãnh vay vốn	314.420.327	427.436.326
Các chi phí thuộc các hạng mục khác - Công trình		
Nhà máy thủy điện	4.333.095.546	4.333.095.546
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	80.289.007	66.353.455
Cộng	<u>14.953.129.945</u>	<u>14.794.925.117</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	65.113.258	129.729.703
Công ty TNHH TM và XNK Hoàng Gia Phát	235.000.000	235.000.000
Thuế GTGT phải nộp chưa kê khai	2.334.625.209	2.961.427.199
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	24.383.494	236.181.698
Cộng	<u>2.659.121.961</u>	<u>3.562.338.600</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	159.675.440.000	150.024.120.000
- Ngân hàng Sumitomo Mitsui	142.330.440.000	138.594.120.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk	17.345.000.000	11.430.000.000
Cộng	<u>159.675.440.000</u>	<u>150.024.120.000</u>

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	150.024.120.000
Số tiền vay đã trả	(155.739.120.000)
Kết chuyển từ vay dài hạn	165.390.440.000
Số cuối năm	<u>159.675.440.000</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Sumitomo Mitsui ⁽ⁱ⁾	213.056.820.000	346.057.980.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk ⁽ⁱⁱ⁾	37.330.311.264	60.390.311.264
Cộng	<u>250.387.131.264</u>	<u>406.448.291.264</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Sumitomo Mitsui để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với lãi suất theo lãi suất cho vay liên ngân hàng London (LIBOR) cộng lợi nhuận biên, thời hạn vay 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 3 năm. Số tiền vay được hoàn trả định kỳ 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 8 năm 2015.

Bộ Tài chính cam kết bảo lãnh khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui đối với toàn bộ số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc 64,200,000.00 USD theo Thư bảo lãnh do Bộ Tài chính phát hành ngày 15 tháng 5 năm 2012.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với lãi suất theo từng khung ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay, thời hạn vay tối đa 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Khoản vay này được được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc, thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với tổng giá trị tài sản cố định thế chấp là 220.018.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 24459/19MN/HĐBĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 và số 23509/19MN/HĐBĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	159.675.440.000	150.024.120.000
Trên 1 năm đến 5 năm	250.387.131.264	406.448.291.264
Cộng	<u>410.062.571.264</u>	<u>556.472.411.264</u>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	406.448.291.264
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	9.329.280.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(165.390.440.000)
Số cuối năm	<u>250.387.131.264</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN.Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.336.483.943	2.304.957.744	(2.885.643.179)	3.755.798.508
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	590.000.000	(590.000.000)	-
Cộng	4.336.483.943	2.894.957.744	(3.475.643.179)	3.755.798.508

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	630.197.230.000	10.824.284.000	5.254.120	134.121.195.575	775.147.963.695
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(2.040.870.598)	(2.040.870.598)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2021	25.206.230.000	-	-	(50.411.697.116)	(50.411.697.116)
Trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(25.206.230.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	153.663.849.613	153.663.849.613
Số dư cuối năm trước	655.403.460.000	10.824.284.000	5.254.120	210.126.247.474	876.359.245.594
Số dư đầu năm nay	655.403.460.000	10.824.284.000	5.254.120	210.126.247.474	876.359.245.594
Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2022	13.106.290.000	-	-	(13.106.290.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(65.534.010.602)	(65.534.010.602)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(2.894.957.744)	(2.894.957.744)
Hoàn nhập quỹ khác vào lợi nhuận chưa phân phối	-	-	(5.254.120)	5.254.120	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	96.995.724.301	96.995.724.301
Số dư cuối năm nay	668.509.750.000	10.824.284.000	-	225.591.967.549	904.926.001.549

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2% (cổ đông hiện hữu sở hữu 65.540.346 cổ phiếu được nhận 1.310.629 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 14/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29/NQ-BDHC-HĐQT ngày 27 tháng 9 năm 2023.

Công ty đã thực hiện xong thủ tục phát hành cổ phiếu trả cổ tức, nâng vốn điều lệ từ 655.403.460.000 VND lên thành 668.509.750.000 VND. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29 tháng 9 năm 2023 do tăng vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	207.241.820.000	203.178.260.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2	167.130.500.000	163.853.440.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	100.278.300.000	98.312.060.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	33.426.090.000	32.770.680.000
Ông Nguyễn Văn Luận	60.258.990.000	56.900.640.000
Các cổ đông khác	100.174.050.000	100.388.380.000
Cộng	<u>668.509.750.000</u>	<u>655.403.460.000</u>

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.850.975	65.540.346
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.850.975	65.540.346
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.850.975	65.540.346

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 14/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 25 tháng 4 năm 2023 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích trong năm nay</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.304.957.744	-	2.304.957.744
• Trích quỹ khen thưởng người quản lý	590.000.000	-	590.000.000
• Chia cổ tức cho cổ đông bằng phát hành cổ phiếu	13.108.060.000	-	13.108.060.000
• Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền	65.540.346.000	-	65.540.346.000
• Điều chuyển từ Quỹ khác của chủ sở hữu vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.254.120)	-	(5.254.120)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền ngoại tệ chỉ có 827,2 USD (số đầu năm là 827,2 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	341.393.566.139	397.881.872.013
Doanh thu bán tín chỉ carbon	2.757.315.586	-
Cộng	<u>344.150.881.725</u>	<u>397.881.872.013</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn điện thương phẩm	191.300.726.979	193.009.431.087
Cộng	<u>191.300.726.979</u>	<u>193.009.431.087</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.119.320.999	2.878.271.220
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	729.060	9.226.574
Cộng	<u>3.120.050.059</u>	<u>2.887.497.794</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	37.100.971.117	27.092.020.927
Phí đại lý và phí bảo lãnh khoản vay	1.400.146.803	1.702.937.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	123.323	26.010
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	72.644	232.519
Cộng	<u>38.501.313.887</u>	<u>28.795.216.482</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.637.642.788	8.465.892.247
Chi phí vật liệu quản lý	186.208.552	238.422.275
Chi phí đồ dùng văn phòng	248.752.717	335.885.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.028.292	273.132.526
Thuế, phí và lệ phí	107.340.000	10.179.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.222.328.158	2.918.063.025
Các chi phí khác	4.908.042.348	4.882.918.237
Cộng	<u>15.518.342.855</u>	<u>17.124.493.187</u>

6. Thu nhập khác

Khoản hoàn trả tiền bảo hiểm của Công ty bảo hiểm do không phát sinh sự cố trong năm.

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	96.995.724.301	153.663.849.613
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.454.935.865)	(2.304.957.744)
Trích thưởng quỹ thưởng Ban điều hành	(590.000.000)	(590.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	94.950.788.436	150.768.891.869
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	66.850.975	66.850.975
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.420</u>	<u>2.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7b. Thông tin khác

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.405 VND xuống còn 2.255 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.362.833.376	8.085.151.022
Chi phí nhân công	16.123.183.495	17.502.893.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.659.350.932	128.469.641.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.493.035.573	49.024.355.386
Chi phí khác	7.180.666.458	7.051.882.881
Cộng	<u>206.819.069.834</u>	<u>210.133.924.274</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	399.000.000	99.000.000
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	2.367.392.322	1.226.840.804

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	476.331.902	-	476.331.902
Các thành viên quản lý khác	938.394.794	-	938.394.794
Cộng	1.414.726.696	708.000.000	2.122.726.696
Năm trước			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	536.834.226	-	536.834.226
Các thành viên quản lý khác	1.008.212.525	-	1.008.212.525
Cộng	1.545.046.751	708.000.000	2.253.046.751

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	Cổ đông sở hữu 31% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2	Cổ đông sở hữu 25% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông sở hữu 15% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	Cổ đông sở hữu 5% vốn điều lệ, có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4		
Chia cổ tức bằng tiền	20.317.507.260	15.627.626.106
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.062.949.900	7.813.931.300
Chi phí khảo sát thiết kế	760.290.111	120.370.370
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2		
Chia cổ tức bằng tiền	16.385.086.500	12.602.924.279
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	3.276.572.500	6.301.557.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chia cổ tức bằng tiền	9.831.051.900	7.561.754.567
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	1.965.943.500	3.780.934.500

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2

Chia cổ tức bằng tiền	3.277.017.300	2.520.584.856
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	655.314.500	1.260.311.500

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Các sai sót

Trong các năm trước, Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá đã thu được tiền là doanh thu với số tiền 45.420.394.701 VND, làm cho khoản phải thu và lợi nhuận sau thuế của các năm trước tăng 45.420.394.701 VND. Công ty đã điều chỉnh sai sót này trong số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	113.300.258.238	(45.420.394.701)	67.879.863.537
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	255.546.642.175	(45.420.394.701)	210.126.247.474

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Phạm Thị Thu Thảo
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Đắk Lắk, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Trương Hải Quang
Giám đốc